



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

**Báo cáo Tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2015
đã được soát xét**

Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

29 Võ Thị Sáu, P.Đa Kao, Q.1, TP.Hồ Chí Minh-Tel: (84.8)38205944 fax: (84.8)38205942

Email: infor@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT	03 - 03
Báo cáo Tài chính hợp nhất ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo Tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2015 của Công ty.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 5 năm 2015.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển du lịch An Giang (Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007).

Lĩnh vực Kinh doanh

San lắp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, khu vui chơi; Nuôi và chế biến thủy sản; Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Mua bán thủy sản, lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến lương thực thực phẩm; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất, phân phối khí nén; Trồng lúa; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Trồng cây gia vị, cây dược liệu.

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày , vốn điều lệ của Công ty là 381.000.000.000 VND (ba trăm tám mươi một tỉ đồng)

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2015 là 6.170.871.963 VND

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 28.645.675.470 VND

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo Tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Văn Chung	Chủ tịch
Ông Lê Xuân Quế	Phó chủ tịch
Ông Lê Thanh Thuận	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên
Ông Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông Hồ Mạnh Dũng	Thành viên
Ông Lê Văn Chính	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Lê Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Ngự	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Gia Thuận	Kế toán trưởng

(bổ nhiệm ngày 24/12/2014)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Bà Ngô Thị Tố Ngân	Trưởng ban
Bà Trịnh Thị Ngọc	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên	Ủy viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo Tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 06 tháng đầu năm 2015 của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;

Lập và trình bày các Báo cáo Tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

Lập các Báo cáo Tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo Tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo Tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2015 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo Tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản phê duyệt Báo cáo Tài chính hợp nhất 6 tháng đầu 2015 kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty .

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 08 năm 2015

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch

LÊ VĂN CHUNG

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

LÊ VĂN CHÍNH

Số : AG0 /BCKT/TC

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2015 của Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo Tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản và công ty con là Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á được lập ngày 02 tháng 8 năm 2015 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bảng thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 04 đến trang 26.

Việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo Tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo Tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo Tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo Tài chính hợp nhất cho giai đoạn 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2013-142-1

Kiểm toán viên

Bùi Thị Thanh Thảo

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2119-2013-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		421.992.827.534	179.072.059.692
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.794.794.605	10.271.189.727
1. Tiền	111	VI.01	5.804.764.996	5.571.189.727
2. Các khoản tương đương tiền	112		990.029.609	4.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.02	19.116.228.500	3.811.545.800
1. Chứng khoán kinh doanh	121		23.370.142.548	5.987.860.282
2. Dự giảm giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(4.253.914.048)	(2.176.314.482)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		290.298.898.086	148.017.375.815
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.03	85.595.514.080	55.097.874.340
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		42.427.474.449	77.650.028.464
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.04	162.275.909.557	15.269.473.011
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.05	91.239.397.643	16.951.378.653
1. Hàng tồn kho	141		91.239.397.643	17.131.654.772
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			(180.276.119)
VI. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.543.508.700	20.569.697
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.09	220.228.767	20.569.697
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.299.765.847	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		23.514.086	-
4. Giao dịch mua lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	VI.10		
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		347.326.143.463	167.794.635.019
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.314.128.000	3.312.128.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		3.314.128.000	3.312.128.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
II. Tài sản cố định	220		237.973.862.350	86.147.971.265
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.06	194.204.559.529	57.686.428.483
- Nguyên giá	222		220.383.973.472	79.349.504.340
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(26.179.413.943)	(21.663.075.857)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	VI.07	24.094.587.236	25.848.042.782
- Nguyên giá	225		34.971.549.135	34.971.549.135
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(10.876.961.899)	(9.123.506.353)
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.08	19.674.715.585	2.613.500.000
- Nguyên giá	228		19.928.227.273	2.673.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(253.511.688)	(60.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.069.436.808	
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.069.436.808	
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.02	10.392.523.237	10.406.817.282
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.418.973.891	10.418.973.891
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(26.450.654)	(12.156.609)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		92.576.193.068	67.927.718.472
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.09	92.576.193.068	67.927.718.472
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268	VI.10		
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		769.318.970.997	346.866.694.710

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A . NỢ PHẢI TRẢ	300		325.923.136.487	170.820.206.391
I. Nợ ngắn hạn	310		176.607.742.406	125.209.620.330
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.12	54.660.078.024	28.919.087.343
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.021.838.788	514.021.351
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.13	1.607.460.489	1.528.797.624
4. Phải trả người lao động	314		1.560.809.932	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.14	25.732.731.536	995.542.185
10. Vay và nợ tài chính ngắn hạn	320	VI.11	89.017.402.913	92.801.594.467
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.007.420.724	450.577.360
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		149.315.394.081	45.610.586.061
1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.11	149.315.394.081	45.610.586.061
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		443.395.834.510	176.046.488.319
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.15	443.395.834.510	176.046.488.319
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		381.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu ngân quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.014.841.448	901.154.720
9. Quỹ dự hỗ trợ xấp xếp doanh nghiệp phòng tài chính	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		28.645.675.470	25.145.333.599
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.394.299.401	
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		25.251.376.069	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		31.735.317.592	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		769.318.970.997	346.866.694.710

Người lập biểu



Lê Thị Dung

Kế toán trưởng



Nguyễn Gia Thuận

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015



Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	341.580.744.064	142.030.821.829
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	88.264.000	48.705.733
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		341.492.480.064	141.982.116.096
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	327.856.614.144	131.049.137.540
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.635.865.920	10.932.978.556
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	3.229.387.354	3.232.991.829
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	6.412.433.371	6.131.721.690
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.970.916.687	5.754.789.422
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25		2.315.987.428	1.687.561.463
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.535.573.524	2.286.168.034
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.601.258.951	4.060.519.198
12. Thu nhập khác	31		1.177.378.691	534.557
13. Chi phí khác	32		56.051.429	3.571.498
14. Lợi nhuận khác	40		1.121.327.262	(3.036.941)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.722.586.213	4.057.482.257
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.6	551.714.250	405.748.226
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.170.871.963	3.651.734.031
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61			
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VII.7	168	243
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc

Lê Thị Dung

Nguyễn Gia Thuận



Lê Văn Chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1. Lợi nhuận trước thuế		6.722.586.213	4.057.482.257
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	6.295.113.952	4.356.760.138
- Các khoản dự phòng	03	(165.982.074)	(1.709.664.610)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	132.954.901	(175.368.569)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.118.501.434)	(2.986.247.718)
- Chi phí lãi vay	06	5.970.916.687	5.754.789.422
- Các khoản điều chỉnh khác	07	1.775.733.502	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.612.821.747	9.297.750.920
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(80.009.822.705)	(50.082.944.911)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(8.379.050.836)	(744.534.893)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.491.417.969)	14.731.530.091
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13	286.600.910	639.379.043
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.970.916.687)	(5.754.789.422)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(638.109.845)	(184.223.452)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.094.016.568)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(88.683.911.953)	(32.097.832.624)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(155.565.492.769)	(1.161.542.196)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(990.029.609)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.700.000.000	4.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(88.680.500.000)	(4.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	941.122.743	3.161.822.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(239.594.899.635)	2.000.280.404

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	06 tháng đầu năm 2015	06 tháng đầu năm 2014
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	231.000.000.000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	406.409.531.914	123.400.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(307.276.266.784)	(116.953.098.348)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(5.330.848.664)	(8.314.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	324.802.416.466	(1.867.098.348)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.476.395.122)	(31.964.650.568)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.271.189.727	34.822.957.390
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(206.312)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.794.794.605	2.858.100.510

Người lập biểu



Lê Thị Dung

Kế toán trưởng



Nguyễn Gia Thuận

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám Đốc



Lê Văn Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600895650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 15 tháng 3 năm 2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 5 năm 2015.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển du lịch An Giang (Giấy phép đăng ký kinh doanh số 5202000689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 6 năm 2007).

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

San lấp mặt bằng; Xây dựng công trình công nghiệp, công trình đường ống cấp thoát nước; Sản xuất vật liệu xây dựng; Khai thác cát, sỏi; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, khu vui chơi; Nuôi và chế biến thủy sản; Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản;

3. Cấu trúc tập đoàn

Tổng số các công ty con: 01

- | | |
|--|------|
| + Số lượng các Công ty con được hợp nhất | : 01 |
| + Số lượng các Công ty con không được hợp nhất | : 0 |

Thông tin về công ty con

- | | |
|---|--------|
| + Tên công ty: Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á | |
| + Địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp | |
| + Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ | 73,90% |
| + Quyền biểu quyết của Công ty mẹ | 73,90% |

II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư được coi như "tương đương tiền" là khoản đầu tư không có nhiều rủi ro, dễ chuyển hóa thành tiền và có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.
- Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

2.1 Chứng khoán kinh doanh: Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... với mục đích kinh doanh (chờ tăng giá bán kiếm lời);

2.2 Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

2.3 Dự phòng đầu tư tài chính : Là dự phòng phần tổn thất do giảm giá chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ có thể xảy ra, hoặc dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác do doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác bị lỗ;

3. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá một chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, còn các khoản chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất thông thường được trình bày là chi phí trả trước dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí tài chính, chi phí chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái được ghi nhận khi thực tế có phát sinh và được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 511 21 000 091 chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 05 năm 2011 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Nhà máy bột cá Trisedco", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong 10 năm, kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN**Tiền mặt**

30/06/2015

01/01/2015

346.425.295

21.287.419

Tiền gửi ngân hàng

5.458.339.701

5.549.902.308

Tiền gửi VND

5.365.323.181

5.345.465.936

Tiền gửi ngoại tệ - USD

93.016.520

204.436.372

Tiền và các khoản tương đương tiền

990.029.609

4.700.000.000

Cộng

6.794.794.605

10.271.189.727

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**a) Phải thu khách hàng ngắn hạn**

30/06/2015

01/01/2015

85.595.514.080

55.097.874.340

Cty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia IDI

2.500.000.000

Công ty TNHH MTV TXD-TM An Thịnh

7.280.000.000

Công ty CP Dầu cá Châu á

-

45.617.358.400

Kai Enterprises Inc

7.657.005.000

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai

21.463.716.081

Công ty TNHH MTV Phạm Minh Nhựt

44.875.000.000

Đối tượng khác

1.819.792.999

9.480.515.940

b) Phải thu khách hàng dài hạn**Cộng**

85.595.514.080

55.097.874.340

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính hợp nhất
06 tháng đầu năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

30/06/2015

01/01/2015

	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Cty CP Tập đoàn Sao Mai	443.203	5.987.860.282	3.678.584.900	(2.309.275.382)	443.203	5.987.860.282	3.811.545.800	(2.176.314.482)
Cộng		5.987.860.282		(2.309.275.382)		5.987.860.282		(2.176.314.482)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

30/06/2015

01/01/2015

	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác		10.418.973.891	10.411.729.962	(26.450.654)		10.418.973.891	11.802.468.792	(12.156.609)
- Cty CP Tư vấn và Đầu Tư tài chính	12,30%	6.418.973.891	6.392.523.237	(26.450.654)	5,35%	6.418.973.891	6.406.817.282	(12.156.609)
- Cty CP Nhứt Hồng (*)	5,90%	4.000.000.000	4.019.206.725		7,92%	4.000.000.000	5.395.651.510	

(*) Đây là khoản đầu tư theo Hợp đồng Liên doanh số 02/HĐLD-2013/NH-TRisedco ngày 01 tháng 10 năm 2013 về việc đầu tư dự án Phía Đông Quốc lộ 01A- Khu A xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau với số tiền đầu tư 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỷ đồng). Khoản đầu tư này đã được thông quan theo Biên bản họp HĐQT số 03/BB-HĐQT ngày 01 tháng 10 năm 2013.

Theo biên bản họp Hội Đồng Quản trị Cty CP ĐT Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản số 03/BB-HĐQT ngày 30/03/2014 thì khoản đầu tư trên sẽ chuyển thành góp vốn thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền mua 400.000 cổ phần của Công ty Nhứt Hồng. (Ông Lê Xuân Quế làm đại diện phần vốn góp của Công ty)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

a) Ngắn hạn

- Phải thu về cổ phần hoá
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia
- Tạm ứng
- Phải thu khác
 - + Cty CP Tập đoàn Sao Mai
 - + Công ty TNHH MTV TXD-TM An Thịnh
 - + Công ty CP VISTAR
 - + Công ty TNHH MTV Xây Dựng TM An Lành
 - + Bà Trịnh Thị Ngọc
 - + Đối tượng khác

b) Dài hạn - Ký quỹ, ký cược dài hạn

Cộng

	30/06/2015	01/01/2015
	162.275.909.557	15.269.473.011
	-	-
	128.609.464.125	4.740.129.124
	33.666.445.432	10.529.343.887
	4.955.169.751	4.126.762.469
	1.649.770.000	1.317.650.000
	535.002.000	535.002.000
	1.978.281.000	1.317.650.000
	10.000.000.000	
	14.548.222.681	3.232.279.418
	3.314.128.000	3.312.128.000
	165.590.037.557	18.581.601.011

5. HÀNG TỒN KHO

	Dự phòng		Giá gốc	
	30/06/2015	01/01/2015	30/06/2015	01/01/2015
- Hàng mua đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu			28.030.602.654	1.203.753.341
- Công cụ, dụng cụ			78.281.898	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang			6.348.848.195	1.502.012.144
- Thành phẩm		(180.276.119)	56.775.413.102	14.425.889.287
- Hàng hóa			-	
- Hàng gửi đi bán			6.251.794	
Cộng		(180.276.119)	91.239.397.643	17.131.654.772

Nguyên nhân hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: thành phẩm được tiêu thụ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính hợp nhất
06 tháng đầu năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình	Tổng Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	61.506.722.944	16.333.745.032	1.385.454.546	123.581.818		79.349.504.340
Tăng trong kỳ		24.859.250.951	4.887.627.272			141.034.469.132
- Mua trong kỳ	111.287.590.909	11.662.744.257	2.163.923.636			125.114.258.802
- Đầu tư XD CB hoàn thành		13.196.506.694	2.723.703.636			13.196.506.694
- Tăng từ Cty CP Dầu cá Châu Á						
Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	172.794.313.853	41.192.995.983	6.273.081.818	123.581.818		220.383.973.472
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	15.355.771.125	5.541.571.340	662.142.715	103.590.677		21.663.075.857
Tăng trong kỳ	2.982.823.135	1.187.014.134	344.435.377	2.065.439		4.516.338.086
- Khấu hao trong kỳ	2.982.823.135	1.187.014.134	176.244.009	2.065.439		4.348.146.718
- Tăng từ Cty CP Dầu cá Châu Á			168.191.368			
Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	18.338.594.260	6.728.585.474	1.006.578.092	105.656.116		26.179.413.943
III Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2015	46.150.951.819	10.792.173.692	723.311.831	19.991.141		57.686.428.483
Tại ngày 30/06/2015	154.455.719.593	34.464.410.509	5.266.503.726	17.925.702		194.204.559.529



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	34.971.549.135		34.971.549.135
Số tăng trong kỳ			
- Tăng khác			
Số giảm trong kỳ			
Số dư cuối kỳ	34.971.549.135		34.971.549.135
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	9.123.506.353		9.123.506.353
Số tăng trong kỳ	1.753.455.546		1.753.455.546
- Khấu hao trong kỳ	1.753.455.546		1.753.455.546
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính			
Số giảm trong kỳ			
Số dư cuối kỳ	10.876.961.899		10.876.961.899
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	25.848.042.782		25.848.042.782
Tại ngày cuối kỳ	24.094.587.236		24.094.587.236

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	2.613.500.000	60.000.000	2.673.500.000
Số tăng trong kỳ	17.254.727.273		17.254.727.273
Số giảm trong kỳ			
Số dư cuối kỳ	19.868.227.273	60.000.000	19.928.227.273
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ		60.000.000	60.000.000
Số tăng trong kỳ	193.511.688		193.511.688
Số giảm trong kỳ			
Số dư cuối kỳ	193.511.688	60.000.000	253.511.688
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	2.613.500.000		2.613.500.000
Tại ngày cuối kỳ	19.674.715.585		19.674.715.585

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

- a) Ngắn hạn - Công cụ dụng cụ
b) Dài hạn
Chi phí thuê đất
Chi phí thành lập doanh nghiệp

Cộng

30/06/2015	01/01/2015
220.228.767	20.569.697
92.576.193.068	67.927.718.472
67.441.458.492	67.927.718.472
25.134.734.576	
92.796.421.835	67.948.288.169

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

30/06/2015

01/01/2015

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	54.660.078.024	54.660.078.024	28.919.087.343	28.919.087.343
Cty CP Đầu Tư & PT Đa Quốc Gia	34.189.493.336	34.189.493.336	27.833.895.248	27.833.895.248
Cty TNHH MTV KD & DT Toàn Cầu	15.118.592.700	15.118.592.700		
Đối tượng khác	5.351.991.988	5.351.991.988	1.085.192.095	1.085.192.095
b) Phải trả người bán dài hạn				
Cộng	54.660.078.024	54.660.078.024	28.919.087.343	28.919.087.343

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2015
a) Phải nộp	1.528.797.624	7.972.146.869	7.893.484.004	1.607.460.489
- Thuế giá trị gia tăng	847.113.959	5.891.677.034	5.928.001.481	810.789.512
- Thuế xuất, nhập khẩu		1.327.372.678	1.327.372.678	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	639.320.196	551.997.590	638.109.845	553.207.941
- Thuế thu nhập cá nhân	42.363.469	201.099.567		243.463.036
b) Phải thu				
Cộng	1.528.797.624			1.607.460.489

13. PHẢI TRẢ KHÁC

- a) Ngắn hạn
- Kinh phí công đoàn
- Bảo hiểm xã hội
- Bảo hiểm y tế
- Bảo hiểm thất nghiệp
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn
- Phải trả, phải nộp khác

b) Dài hạn

Cộng

30/06/2015	01/01/2015
25.732.731.536	995.542.185
137.890.495	84.935.935
136.424.371	94.575.000
86.005.500	
34.265.500	
1.050.400.000	800.000.000
24.287.745.670	16.031.250
25.732.731.536	995.542.185

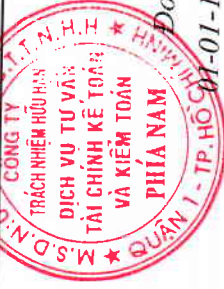
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính hợp nhất
06 tháng đầu năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015



10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

30-06-15

Trong năm

Đơn vị tính: VND
01-01-15

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Cty Chứng khoán Liên Việt	86.089.688.394	86.089.688.394	272.617.300.493	273.073.343.383	86.545.731.284	86.545.731.284
Ngân hàng Phương Đông			132.612.099	2.102.001.237	1.969.389.138	1.969.389.138
Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - CN Cần Thơ	25.490.893.000	25.490.893.000	58.690.893.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
Ngân hàng Á Châu - Sa Đéc	54.480.595.394	54.480.595.394	62.675.595.394	75.576.342.146	42.376.342.146	42.376.342.146
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng				48.995.000.000	40.800.000.000	40.800.000.000
CTCP Chứng khoán Thành Công	6.118.200.000	6.118.200.000	145.000.000.000	145.000.000.000		
			6.118.200.000			
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam - CN Cần Thơ	145.204.808.020	145.204.808.020	138.837.731.421	35.132.923.401	41.500.000.000	41.500.000.000
Bà Võ Thị Hồng Tâm	7.704.808.020	7.704.808.020	40.837.731.421	33.132.923.401		
Ngân hàng Á Châu - Sa Đéc	1.500.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000	1.500.000.000
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bến Nghé	38.000.000.000	38.000.000.000		2.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
	98.000.000.000	98.000.000.000	98.000.000.000			
Cộng	231.294.496.414	231.294.496.414	411.455.031.914	308.206.266.784	128.045.731.284	128.045.731.284

c) Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	06 tháng đầu năm 2015				06 tháng đầu năm 2014	
	Tổng khoản t/t tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê (*)	Trả nợ gốc	Tổng khoản t/t tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê (*)	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống			2.927.714.519			6.255.863.183
Trên 1 năm đến 5 năm			4.110.586.061			4.110.586.061
Cộng			7.038.300.580			10.366.449.244

(*) Lãi thuê tài chính theo lãi suất tại từng kỳ hạn điều chỉnh lãi do ACB Leasing thông báo



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THUY SẮN

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm CN Vàm Cống, xã Bình Cống, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

Báo cáo tài chính hợp nhất

06 tháng đầu năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000				15.360.198.401	165.360.198.401
Tăng vốn trong kỳ trước						
Lãi trong kỳ trước						
Tăng do trích lập từ lợi nhuận				901.154.720	11.136.867.278	11.136.867.278
Giảm vốn trong kỳ trước						901.154.720
Trích quỹ từ lợi nhuận						
Lỗ trong kỳ trước					(1.351.732.080)	(1.351.732.080)
Giảm khác						
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000			901.154.720	25.145.333.599	176.046.488.319
Tăng vốn trong kỳ	231.000.000.000				(1.000.000.000)	230.000.000.000
Lãi trong kỳ này					6.170.871.963	6.170.871.963
Tăng do trích lập từ lợi nhuận				1.113.686.728		1.113.686.728
Giảm vốn trong kỳ trước						
Trích quỹ từ lợi nhuận					(1.670.530.092)	(1.670.530.092)
Lỗ trong kỳ						
Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	381.000.000.000			2.014.841.448	28.645.675.470	411.660.516.918

89568
NG TY
CP
FUDUL
HAT TRI
UY SAI
-T. Đ
22
CÔNG T
HÀNH N
VỤ T
HÀNG
TIA NA
TP. HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

14. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>30/06/2015</u>	<u>%</u>	<u>01/01/2015</u>	<u>%</u>
Vốn góp của công ty mẹ	301.926.000.000	79,25%		
- Cty CP Đầu tư & PT Đa quốc gia I.D.I	301.926.000.000			
Vốn góp của các đối tượng khác	79.074.000.000	20,75%	150.000.000.000	100%
- Cty CP Tập đoàn Sao Mai	15.000.000.000	3,94%	62.000.000.000	41,33%
- Cty CP Đầu tư & PT Đa quốc gia I.D.I			68.000.000.000	45,33%
- Đối tượng khác	64.074.000.000	16,82%	20.000.000.000	13,33%
Cộng	381.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

14. c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>06 tháng đầu năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+Vốn góp đầu kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
+Vốn góp tăng trong kỳ	231.000.000.000	
+Vốn góp giảm trong kỳ		
+Vốn góp cuối kỳ	381.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

14. d) Cổ phiếu

	<u>06 tháng đầu năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.100.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.100.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.100.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.100.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.100.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

14. e) Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.014.841.448	901.154.720
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán hàng

Cộng

06 tháng đầu
năm 2015

06 tháng đầu
năm 2014

341.580.744.064

142.030.821.829

341.580.744.064

142.030.821.829

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Giảm giá hàng bán

Cộng

06 tháng đầu
năm 2015

06 tháng đầu
năm 2014

88.264.000

48.705.733

88.264.000

48.705.733

3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cộng

06 tháng đầu
năm 2015

06 tháng đầu
năm 2014

328.036.890.263

132.053.706.150

(180.276.119)

(1.004.568.610)

327.856.614.144

131.049.137.540

4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi ngân hàng

- Lãi trả trước cho Cty CP Tập đoàn Sao Mai

- Lãi ứng trước khách hàng cá nhân

- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Cộng

06 tháng đầu
năm 2015

06 tháng đầu
năm 2014

112.715.461

31.648.478

828.407.282

2.954.599.240

2.034.813.600

175.574.882

253.451.011

71.169.229

3.229.387.354

3.232.991.829

5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay

- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

- Chi phí tài chính khác

Cộng

06 tháng đầu
năm 2015

06 tháng đầu
năm 2014

5.970.916.687

5.754.789.422

161.306.838

13.789.468

132.954.901

206313

147.254.945

261.892.800

101.043.687

6.412.433.371

6.131.721.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015



6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

Cộng

06 tháng đầu năm 2015 06 tháng đầu năm 2014

551.714.250 405.748.226

551.714.250 405.748.226

7. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

06 tháng đầu năm 2015 06 tháng đầu năm 2014

Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông

6.170.871.963 3.651.734.031

Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

36.777.778 15.000.000

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

168 243

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mua công ty con trong kỳ báo cáo

- Tổng giá trị mua công ty con trong kỳ 88.680.500.000
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý công ty con được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền 88.680.500.000
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con được mua 1.775.733.502
- Phần giá trị tài sản và nợ phải trả trong công ty con được mua tại ngày 30/6/2015:

A. TÀI SẢN NGẮN HẠN

287.711.669.645

I. Tiền và các khoản tương đương tiền

1.775.733.502

II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

15.437.643.600

III. Các khoản phải thu ngắn hạn

204.746.086.422

IV. Hàng tồn kho

65.728.692.035

V. Tài sản ngắn hạn khác

23.514.086

B. TÀI SẢN DÀI HẠN

30.761.683.652

I. Các khoản phải thu dài hạn

2.000.000

II. Tài sản cố định

2.555.512.268

III. Bất động sản đầu tư

IV. Tài sản dở dang dài hạn

3.069.436.808

V. Đầu tư tài chính dài hạn

VI. Tài sản dài hạn khác

25.134.734.576

A. NỢ PHẢI TRẢ

196.880.157.014

I. Nợ ngắn hạn

196.880.157.014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2015

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Đơn vị tính: VND

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa quốc gia I.D.I	Công ty mẹ
Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Cổ đông lớn nhất của Công ty mẹ

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Cty CP Đầu tư & Phát triển đa quốc gia I.D.I	Mua phụ phẩm cá tra	70.713.248.880
	Mua mỡ cá	70.453.662.930
	Bán mỡ cá	42.187.052.385
	Nhận chuyển nhượng nhà máy	156.123.059.000
	Cần trừ công nợ	69.510.330.455
Cty CP Tập đoàn Sao Mai	Mua hàng hóa	49.900.000.000
	Lãi trả trước tiền cá fillet	828.407.282

Đến ngày 30/06/2015, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Phải thu tiền mua hàng hóa	4.316.914.207
	Lãi trả trước tiền cá fillet	4.955.169.751
	Tiền chuyển nhượng QSD đất	21.463.716.081

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải trả
Cty CP Đầu tư & Phát triển đa Quốc Gia I.D.I	Phải trả tiền mua phụ phẩm	4.927.794.923
	Tiền mua mỡ cá	29.261.698.413
	Phải trả tiền mượn tạm	5.000.000.000
Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	82.225.000
	Phải trả tiền mượn tạm	14.000.000.000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 kết thúc ngày 31/12/2014 và Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30/06/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs). Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp với số liệu kỳ này.

Đồng Tháp, ngày 02 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Lê Thị Dung

Nguyễn Gia Thuận

Lê Văn Chính